

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 5 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Nghi và ông Phạm Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/02/1992; hiện trú tại: Thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh C, sinh ngày 26/12/1988; hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Số C, ngõ B, đường S, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ); nay là xã H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20 tháng 7 năm 2010. Thời gian đầu sau kết hôn, anh chị sống hạnh phúc; nhưng đến năm 2014 anh C đi nước ngoài cư trú; do không sống chung cùng nhau nên anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù bản thân anh chị đã nhiều lần chuyện trò để hàn

gắn tình cảm và hai bên gia đình cũng nhiều lần cố gắng động viên nhưng hiện nay tình cảm giữa anh chị hoàn toàn không còn. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung là Phạm Nữ Phương N, sinh ngày 19/11/2011; Phạm Nữ Anh P, sinh ngày 17/8/2013 và Phạm Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 11/02/2018. Chị H yêu cầu sau ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung; yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Thanh C: Kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh Q thể hiện: anh Phạm Thanh C, sinh ngày 26/12/1988 có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 09/4/2019 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2025, bà Phạm Thị HI (mẹ đẻ của anh Phạm Thanh C) trình bày: Bà là mẹ ruột của anh C, hiện nay anh C đang sinh sống và làm việc tại Đà Loan, thường xuyên liên lạc với bà. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, cam kết sẽ liên lạc và gửi Thông báo thụ lý vụ án cho con trai bà biết. Chị H và anh C có ba người con chung, các cháu hiện đang ở với mẹ; tài sản chung bà không biết có những gì hay không. Việc hôn nhân giữa chị H và anh C mâu thuẫn như thế nào bà không rõ; ly hôn do các con là tự định đoạt, nhưng bà mong muốn các con hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa:

- Anh Phạm Thanh C vắng mặt, chị Nguyễn Thị H có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, thay đổi mức yêu cấp dưỡng nuôi con chung từ 5.000.000 đồng/tháng/cháu xuống 3.000.000 đồng/tháng/cháu.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, có vi phạm về thời hạn mở phiên tòa sớm hơn thời gian tối thiểu theo quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu

khởi hiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh C. Giao các cháu Phạm Nữ Phương N, sinh ngày 19/11/2011; Phạm Nữ Anh P, sinh ngày 17/8/2013 và Phạm Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 11/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Phạm Thanh C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc chị Nguyễn Thị H chịu án phí ly hôn và anh Phạm Thanh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Thanh C có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay tại Đà Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh của Tòa án, bị đơn anh Phạm Thanh C đã xuất cảnh sang Đà Loan làm việc. Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức uỷ thác tư pháp cho Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ, Đà Loan; niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173; các khoản 1, 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Thanh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh C kết hôn tự nguyện có đăng ký, không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận cuộc sống chung hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm

2014, anh C xuất khẩu tại Đài Loan; do khoảng cách địa lý cũng như bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Mặc dù anh chị và gia đình hai bên đã hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không khắc phục được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ năm 2019 không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh C bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống xảy ra bất đồng, không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân; đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh C không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt nhưng anh C vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có ba con chung là Phạm Nữ Phương N, sinh ngày 19/11/2011; Phạm Nữ Anh P, sinh ngày 17/8/2013 và Phạm Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 11/02/2018. Chị H nguyện vọng được nuôi cả 03 con sau khi ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Xét thấy các cháu hiện đang ở với chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh C đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con. Mặt khác anh C cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cũng như theo nguyện vọng của các cháu, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả 03 cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay các cháu đang ở độ tuổi đi học, để được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các thì yêu cầu của chị H buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “...Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Quá trình giải quyết vụ án, xác định anh C xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không có bảng lương để căn cứ thu nhập nên không có cơ sở để chứng minh. Tuy nhiên, xét thấy mức chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu để cùng chị nuôi con là phù hợp với chi phí nuôi dưỡng, học tập tại địa phương. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh C phải

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng/cháu, thời điểm cấp dưỡng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 5 năm 2026 đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H chịu án phí ly hôn, anh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị H chịu toàn bộ chi phí uỷ thác tư pháp và đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28; 35; 39; 147; 180; 227; 228; 469; 474; 477 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83, 84; 110; 116; 117; 118; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Thanh C.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Phạm Nữ Phương N, sinh ngày 19/11/2011; Phạm Nữ Anh P, sinh ngày 17/8/2013 và Phạm Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 11/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Phạm Thanh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Phạm Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết anh hoặc chị có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001649 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Phạm Thanh C chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hà C1 và nộp đủ 2.500.000 đồng chi phí uỷ thác tư pháp và đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Án sơ thẩm xử công khai, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng trị;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Hoà Trạch;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

(Đã ký)

Phan Anh Đức